

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

GIÁM ĐỐC SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 5/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

Theo đề nghị của Ban Công tác ISO,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 2447/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2017 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành và thay thế Quyết định số 152/QĐ-SKHĐT ngày 15/11/2017 về việc Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Chánh Văn phòng, các Trưởng phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc Sở và toàn thể cán bộ, công chức trong cơ quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- GD, Phó GD;
- Ban ISO;
- Lưu: VT, VP.



Phan Thiên Định

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

(Kèm theo Quyết định số 123 /QĐ-SKHĐT ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thừa Thiên Huế)



Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính
T-TTH-274902-TT	1. Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân
T-TTH- 218912 -TT	2. Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên
T-TTH- 044495-TT	3. Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên
T-TTH- 273723 -TT	4. Đăng ký thành lập công ty cổ phần
T-TTH- 272952 -TT	5. Đăng ký thành lập công ty hợp danh
T-TTH-284950-TT	6. Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
T-TTH- 284951-TT	7. Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
T-TTH- 284952 -TT	8. Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh
T-TTH- 284953 -TT	9. Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần
T-TTH- 284954 -TT	10. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
T-TTH- 284988 -TT	11. Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
T-TTH- 282546 -TT	12. Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức.
T-TTH-282545-TT	13. Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước
T-TTH- 238467 -TT	14. Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế.
T-TTH- 282547 -TT	15. Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.
T-TTH- 282548 -TT	16. Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp
T-TTH- 282549 -TT	17. Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm

	hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác
T-TTH- 290419 -TT	18. Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích
T-TTH- 290420-TT	19. Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác
T-TTH- 282553-TT	20. Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
T-TTH- 290422-TT	21. Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân
T-TTH- 290423-TT	22. Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần
T-TTH- 290424-TT	23. Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết
T-TTH- 290425-TT	24. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế
T-TTH- 283029-TT	25. Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
T-TTH- 290427-TT	26. Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
T-TTH- 283444-TT	27. Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
T-TTH- 282564-TT	28. Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
T-TTH- 282565-TT	29. Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
T-TTH- 290436-TT	30. Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
T-TTH- 283035-TT	31. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện

	do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động.
T-TTH- 290433–TT	32. Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).
T-TTH- 290434–TT	33. Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
T-TTH- 290435–TT	34. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)
T-TTH- 290436–TT	35. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
T-TTH- 290437–TT	36. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)
T-TTH- 290438–TT	37. Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng
T-TTH- 290439–TT	38. Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)
T-TTH- 290440–TT	39. Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân
T-TTH- 055033–TT	40. Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp
T-TTH- 288158–TT	41. Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp
T-TTH- 133489–TT	42. Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp.
T-TTH- 055033–TT	43. Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp
T-TTH- 288158–TT	44. Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp
T-TTH- 288159–TT	45. Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp
T-TTH- 250061–TT	46. Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
T-TTH- 250062–TT	47. Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)
T-TTH- 290457–TT	48. Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần

T-TTH- 085212-TT	49. Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
T-TTH- 290457-TT	50. Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
T-TTH- 290458-TT	51. Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn
T-TTH- 290459-TT	52. Thông báo tạm ngừng kinh doanh
T-TTH- 250068-TT	53. Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo
T-TTH- 290461-TT	54. Giải thể doanh nghiệp
T-TTH- 290462-TT	55. Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án.
T-TTH- 289453-TT	56. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh
T-TTH- 290464-TT	57. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
T-TTH- 213374-TT	58. Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế
T-TTH- 290465-TT	59. Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp
T-TTH- 290468-TT	60. Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp
T-TTH- 287559-TT	1. Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh quyết định thành lập
T-TTH- 276584-TT	2. Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý
T-TTH- 276587-TT	3. Chia, tách công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý
T-TTH- 276589-TT	4. Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên
T-TTH- 276591-TT	5. Giải thể công ty TNHH một thành viên
II. Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội (Có 09 thủ tục hành chính)	
T-TTH- 290408-T	1. Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
T-TTH- 290409-TT	2. Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường.
T-TTH- 290410-TT	3. Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường
T-TTH- 266314-TT	4. Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ
T-TTH- 266315-TT	5. Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ
	6. Công khai hoạt động của doanh nghiệp xã hội

T-TTH- 264860-TT	<p>7. Cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ</p> <p>8. Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội</p> <p>9. Nộp lại con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho cơ quan công an nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu</p>
T-TTH- 288766-TT	
T-TTH- 266317-TT	
T-TTH- 288768-TT	

**III. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã (Liên hiệp HTX)
(19 thủ tục hành chính)**

T-TTH- 264918-TT	<p>1- Đăng ký liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>2- Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>3- Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>4- Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia.</p> <p>5- Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách.</p> <p>6- Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất.</p> <p>7- Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập.</p> <p>8- Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất).</p> <p>9- Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất).</p> <p>10- Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng).</p> <p>11- Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng).</p> <p>12- Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, (Đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện)</p> <p>13- Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>14- Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>15- Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>16- Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>17- Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>18- Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã</p>
T-TTH- 286805-TT	
T-TTH- 286815-TT	
T-TTH- 264895-TT	
T-TTH- 264896-TT	
T-TTH- 264903-TT	
T-TTH- 264903-TT	
T-TTH- 144319-TT	
T-TTH- 286916-TT	
T-TTH- 286917-TT	
T-TTH- 286918-TT	
T-TTH- 286933-TT	
T-TTH- 286934-TT	
T-TTH- 286935-TT	
T-TTH- 286936-TT	
T-TTH- 286937-TT	
T-TTH- 286938-TT	
T-TTH- 286939-TT	

	xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã).
T-TTH- 286940-TT	19- Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã.
T-TTH- 288619-TT	1. Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).
T-TTH- 288620-TT	2. Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)
T-TTH- 288621-TT	3. Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).
T-TTH- 274377-TT	4. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
T-TTH- 264939-TT	5. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
T-TTH- 288622-TT	6. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.
T-TTH- 286315-TT	7. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh.
T-TTH- 287365-TT	8. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ
T-TTH- 288621-TT	9. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội.
T-TTH- 289680-TT	10. Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
T-TTH- 289681-TT	11. Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)
T-TTH- 289682-TT	12. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
T-TTH- 289683-TT	13. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.
T-TTH- 287376-TT	14. Chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ)
T-TTH- 265011-TT	15. Chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh)

T-TTH- 289684-TT	16. Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế.
T-TTH- 289686-TT	17. Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài.
T-TTH- 289688-TT	18. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
T-TTH- 289689-TT	19. Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
T-TTH- 289690-TT	20. Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
T-TTH- 289685-TT	21. Giãn tiến độ đầu tư
T-TTH- 286937-TT	22. Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư
T-TTH- 289692-TT	23. Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư
T-TTH- 289703-TT	24. Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.
T-TTH- 289704-TT	25. Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.
T-TTH- 289693-TT	26. Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương
T-TTH- 289700-TT	27. Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư.
T-TTH- 286944-TT	28. Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài.
T-TTH- 148977 -TT	1. Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án
T-TTH- 270618 -TT	2. Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án
T-TTH- 288368-TT	3. Thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển
T-TTH- 288370 -TT	4. Thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư.
T-TTH- 288368 -TT	5. Thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu lựa chọn nhà đầu tư
T-TTH- 102574-TT	6. Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư.
T-TTH- 282919 -TT	7. Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư.
T-TTH- 288622 -TT	8. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
T-TTH- 289741-TT	9. Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
T-TTH- 288386-TT	10. Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
T-TTH- 287227 -TT	1. Thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.
T-TTH- 287210-TT	2. Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.
T-TTH- 111852 -TT	3. Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu.

T-TTH- 276550-TT T-TTH- 286805-TT	1. Tiếp nhận dự án viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) thuộc thẩm quyền UBND tỉnh. 2. Tiếp nhận dự án nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.
T-TTH- 286808-TT T-TTH- 286810 -TT T-TTH- 286812-TT T-TTH- 286811 -TT T-TTH- 272475 -TT	1. Đề xuất và lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ. 2. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản. 3. Quyết định chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản. 4. Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản 5 Xác nhận chuyên gia
T-TTH- 287146-TT	Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ.
T-TTH- 290264-TT T-TTH- 136809-TT T-TTH- 284640-TT T-TTH- 284083-TT	1. Thẩm định chủ trương đầu tư dự án. 2. Trình phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật 3. Trình phê duyệt điều chỉnh dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật 4. Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình
T-TTH- 290264-TT T-TTH- 288458-TT T-TTH- 136809-TT T-TTH- 284640-TT T-TTH- 284083-TT	1. Thẩm định chủ trương đầu tư dự án. 2. Thẩm định thiết kế thi công và dự toán 3. Trình phê duyệt dự án 4. Trình phê duyệt điều chỉnh dự án, thiết kế thi công và dự toán 5. Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu
T-TTH-139126-TT	Xin phép sử dụng thẻ ABTC (đi lại doanh nhân APEC).

Tổng cộng: 152 thủ tục hành chính, bao gồm 10 lĩnh vực.